

Bản án số: 35/2022/DS-ST.

Ngày 21 - 9 -2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt.

Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Đồng nguyên đơn:***

1. Thạch Đ; Sinh năm: 1974 (Có mặt).

2. Trà Thị Ch; Sinh năm: 1981(Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

**** Bị đơn:*** Tạ Thị Bích L; Sinh năm: 1966. Địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Thạch N; Sinh năm: 1976. Địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng nguyên đơn ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch trình bày:

Do quen biết nhau từ trước, nên vợ chồng ông Đ, bà Ch có hợp đồng cho bà Tạ Thị Bích L vay số tiền là 2.275.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Mục đích vay tiền là để mua đất. Bà L là người trực tiếp nhận tiền tại nhà vợ chồng ông Đ, bà Ch. Giao dịch vay tiền giữa vợ chồng ông Đ, bà Ch và bà L được lập thành văn bản là “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 21/12/2021 âm lịch (tức 23/01/2022 dương lịch). Hai bên thỏa thuận lãi suất là 02%/tháng, nhưng nếu bà L trả nợ đúng hạn thì vợ chồng ông Đ, bà Ch sẽ không lấy tiền lãi, nên trong giấy “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 21/12/2021 không ghi mức lãi suất, thời hạn trả tiền là 21/3/2022. Đến hạn thì bà L không trả tiền cho vợ chồng ông Đ, bà Ch. Vợ chồng ông Đ, bà Ch có yêu cầu bà L trả tiền nhiều lần, nhưng bà L vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông Đ, bà Ch. Hiện nay, bà L còn nợ vợ chồng ông Đ, bà Ch số tiền gốc là 2.275.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Việc bà L vay tiền có chồng bà L là ông Thạch N biết rõ và cũng đồng ý. Theo đơn khởi kiện thì vợ chồng ông Đ, bà Ch yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Đ, bà Ch số tiền vay gốc là 2.275.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và tính lãi suất là 1.67%/tháng, từ ngày 21/12/2021 âm lịch (tức 23/01/2022 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 21/12/2021 âm lịch (tức 23/01/2022 dương lịch) đến ngày 23/5/2022 DL (ngày 23/4/2022 âm lịch) là: $2.275.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/tháng = 37.992.500 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} = 151.970.000 \text{ đồng}$. Nay vợ chồng ông Đ, bà Ch xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Đ, bà Ch số tiền vay gốc là 2.275.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng, từ ngày 22/3/2022 âm lịch (tức 22/4/2022 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm. Lãi suất tạm tính từ ngày 22/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2022 DL) đến ngày 26/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2022 DL) là 05 tháng: $2.275.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/tháng \times 05 \text{ tháng} = 94.753.750 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và tiền lãi là 2.369.753.750 đồng.

* Bị đơn là bà Tạ Thị Bích L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đồng nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng nguyên đơn với bà L có hợp đồng vay tài sản (vay tiền) với nhau. Việc bà L vay tiền ông N chồng bà L cũng biết nhưng không phản đối. Đối với bà L và ông N sau khi nhận văn bản thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của ông Đ, bà Ch thì bà L và ông N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch. Do đó, xem như bà L và ông N đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình xử buộc buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch số tiền vay gốc và tiền lãi là 2.369.753.750 đồng. Về án phí buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Tạ Thị Bích L là bị đơn, ông Thạch N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông N.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của đồng nguyên đơn Thạch Đ và Trà Thị Ch thì giữa ông Đ, bà Chuồng với bà L, ông N có hợp đồng vay tiền với nhau. Do bà L và ông N vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn, nên ông Đ và bà Ch yêu cầu bà L và ông N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền gốc và lãi là 2.369.753.750 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Tại phiên tòa đồng nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Đ, bà Ch số tiền vay gốc là 2.275.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của đồng nguyên đơn về việc yêu cầu bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho vợ chồng ông Đ, bà Ch số tiền vay tổng cộng gốc và tiền lãi là 2.369.753.750 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, đồng nguyên đơn trình bày: Giữa vợ chồng ông Đ, bà Ch và vợ chồng bà Tạ Thị Bích L, ông Thạch N có hợp đồng vay tiền với nhau, khi vay tiền bà L có làm biên nhận nợ cho ông Đ, bà Ch. Đối với bị đơn là bà Tạ Thị Bích L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch N, sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Đ, bà Ch, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà L, ông N, nhưng bà L, ông N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà L, ông N đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện ông Đ, bà Ch không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Ch. Tại phiên tòa, ông Đ, bà Ch yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc 2.275.000.000 đồng đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất theo quy định của pháp luật là 0.83%/tháng, từ ngày 22/3/2022 âm lịch (tức 22/4/2022 dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm. Lãi suất tạm tính từ ngày 22/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2022 DL) đến ngày 26/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2022 DL) là 05 tháng: $2.275.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 05 \text{ tháng} = 94.753.750 \text{ đồng}$. Do bà L, ông N vi phạm hợp đồng không trả tiền cho ông Đ, bà Ch đúng hạn, nên phải chịu phần tiền lãi suất chậm trả và lãi suất được tính như sau: Từ ngày 22/3/2022 âm lịch (nhằm ngày 22/4/2022 DL) đến ngày 26/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2022 DL) là 05 tháng. Lãi suất được tính cụ thể là: $2.275.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} \times 0,83\% = 94.753.750 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi mà bà L, ông N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Đ, bà Ch là: $2.275.000.000 \text{ đồng} + 94.753.750 \text{ đồng} = 2.369.753.750 \text{ đồng}$.

Vì vậy, cần xử buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch số tiền vay gốc và lãi là 2.369.753.750 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải liên đới nộp số tiền là 79.395.075 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.269.700 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở để Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch.

Buộc bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch số tiền vay gốc và lãi là 2.369.753.750 đồng (*Hai tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 2.369.753.750 đồng (*Hai tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) thì hàng tháng bà L, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tạ Thị Bích L và ông Thạch N phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 79.395.075 đồng (*Bảy mươi chín triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*). Ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.269.700 đồng (*Bốn mươi triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004006 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Thạch Đ và bà Trà Thị Ch có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn bà Tạ Thị Bích L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch N không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên